

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ - PT

Ngày 26- 4-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng

2. Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Thiệu Thị Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - Sinh năm: 1994 (có mặt).

Trú tại: Xóm 1, xã S, huyện L, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng T - Sinh năm: 1987 (có mặt).

Trú tại: Thôn 2, xã Đồng T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các chứng cứ khác của nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, đã nhiều lần được gia đình hai bên nội ngoại

khuyến nhủ để vợ chồng đoàn tụ, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con: Anh chị có hai con chung tên là Nguyễn Thị Như P, sinh ngày 25/7/2012 và Nguyễn Trọng Phương N, sinh ngày 05/11/2013, hiện nay các cháu đang ở cùng anh T. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu, hiện nay chị đang làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, thu nhập bình quân hàng tháng là 7.000.000đ, chị xét thấy có đủ điều kiện để nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản và phần nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Trọng T trình bày:

- Về hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như cô T trình bày là hoàn toàn đúng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi nhau. Nay cô T đề nghị được ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Về số con, họ tên, ngày tháng năm sinh các cháu như cô T trình bày trên là đúng. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh tại xã T, huyện Triệu Sơn. Ly hôn nguyện vọng của anh là xin được nuôi cả hai cháu, anh làm lao động tự do, thu nhập bình quân hàng tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ, anh xét thấy anh có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho các con chung của vợ chồng, không yêu cầu cô T cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản và phần nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Trọng T.

Về con: Giao cháu Nguyễn Thị Như P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Trọng Phương N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng vợ chồng anh chị không đặt ra, nên không xét.

Chị T, anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bên trực tiếp nuôi dưỡng con chung và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

Nếu trong quá trình nuôi con các bên không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu, thì bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tài sản, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 30/01/2019, anh Nguyễn Trọng T có đơn kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án cấp phúc thẩm đã tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trọng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo: Anh Nguyễn Trọng T đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con. Anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con là chính đáng. Tuy nhiên, chị T và anh T đều đang còn trẻ, có sức khỏe, có việc làm và thu nhập ổn định. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm anh T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh chị T không có khả năng nuôi con. Anh T và chị T có hai con chung nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho mỗi người nuôi một cháu là phù hợp pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của anh Trang.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí DSPT: Vì kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Trọng T phải chịu án phí phúc thẩm; căn cứ khoản 1 Điều 29 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trọng T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2019/HNGĐ-ST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

Xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Trọng T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như P, sinh ngày 25/7/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Trọng Phương N, sinh ngày 05/11/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chi T, anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 3359 ngày 30/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn (Anh T đã nộp đủ tiền án phí DSPT).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THADS huyện Triệu Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TÒA

Lê Thu Hương Nguyễn Ngọc T

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THADS huyện Triệu Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

